

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1877a/QĐ-HĐTS ngày 19/2022 của HĐTS trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp)

STT	TT	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	DT	Tên ngành đăng ký xét tuyển	Điểm XT			Điểm UT		Tổng điểm	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
								M1	M2	M3	KV	ĐT			
1	1	Trần Văn	Dương	Nam	27/02/2004	Kinh	CNKT Cơ khí	5.9	6.4	6.2	0.75		19.25	Trúng tuyển	
2	2	Hoàng Văn	Định	Nam	25/08/2004	Kinh	CNKT Cơ khí	6.4	7.3	5.0	0.75		19.40	Trúng tuyển	TH2
3	3	Trần Xuân	Tiến	Nam	04/12/2004	Kinh	CNKT Cơ khí	6.3	7.1	6.3	0.75		20.45	Trúng tuyển	
4	4	Lăng Đức	Thiện	Nam	08/02/2004	Nùng	CNKT Cơ khí	6.2	7.4	6.7	0.75	1	22.05	Trúng tuyển	
5	1	Nguyễn Văn	Chính	Nam	28/10/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	7.8	7.3	6.0	0.75		21.80	Trúng tuyển	TH2
6	2	Nguyễn Thế	Duy	Nam	13/04/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.5	6.3	7.2	0.75		19.75	Trúng tuyển	
7	3	Nguyễn Văn	Duy	Nam	01/06/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.3	7.1	7.0	0.75		21.15	Trúng tuyển	
8	4	Nguyễn Thanh	Dương	Nam	04/10/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.3	5.9	6.3	0.75		18.25	Trúng tuyển	
9	5	Nguyễn Trọng	Đức	Nam	14/09/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.2	6.6	6.8	0.75		20.35	Trúng tuyển	
10	6	Dương Văn	Đức	Nam	10/03/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	3.8	5.8	3.4	0.75		13.70	Trúng tuyển	TH2
11	7	Nguyễn Văn	Đức	Nam	29/12/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.2	6.1	6.7	0.75		19.75	Trúng tuyển	
12	8	Nguyễn Văn	Giang	Nam	25/03/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.6	5.5	5.6	0.75		17.45	Trúng tuyển	
13	9	Lê Sơn	Hà	Nam	24/05/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.4	7.8	7.4	0.25		21.85	Trúng tuyển	
14	10	Lành Văn	Hải	Nam	05/03/2004	Nùng	CNKT điện, điện tử	6.3	6.9	7.1	0.75	1	22.05	Trúng tuyển	
15	11	Ngo Văn	Hiền	Nam	25/06/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.3	7.5	7.6	0.75		22.15	Trúng tuyển	
16	12	Đỗ Minh	Hiền	Nam	07/03/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.6	8.0	7.1	0.50		22.20	Trúng tuyển	
17	13	Nguyễn Thế	Hiệp	Nam	17/11/2001	Kinh	CNKT điện, điện tử	7.2	6.0	7.2	0.75		21.15	Trúng tuyển	
18	14	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	17/11/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.4	7.9	8.1	0.50		22.90	Trúng tuyển	
19	15	Trần Quang	Huy	Nam	17/10/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.7	7.6	8.2	0.75		23.25	Trúng tuyển	
20	16	Phạm Văn	Huy	Nam	16/04/1999	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.8	6.9	6.4	0.75		19.85	Trúng tuyển	
21	17	Đặng Trần Quang	Huy	Nam	08/11/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	2.2	6.0	3.4	0.75		12.35	Trúng tuyển	TH2
22	18	Đỗ Trung	Kiên	Nam	23/06/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.8	6.5	7.7	0.25		20.25	Trúng tuyển	
23	19	Nguyễn Đức	Kiên	Nam	27/05/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.8	5.3	4.4	0.75		16.20	Trúng tuyển	TH2
24	20	Hoàng Trung	Kiên	Nam	07/03/2003	Tây	CNKT điện, điện tử	7.0	6.0	5.8	0.75	1	20.55	Trúng tuyển	
25	21	Nguyễn Tuấn	Khải	Nam	09/12/2003	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.3	7.2	7.6	0.75		21.85	Trúng tuyển	
26	22	Nguyễn Thị	Khiên	Nữ	27/07/2003	Kinh	CNKT điện, điện tử	7.2	7.4	7.1	0.75		22.45	Trúng tuyển	
27	23	Lê Bảo	Long	Nam	20/06/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.9	6.7	6.3	0.75		19.65	Trúng tuyển	
28	24	Lương Tuấn	Lực	Nam	16/06/2000	Nùng	CNKT điện, điện tử	5.4	7.1	7.5	0.75	1	21.75	Trúng tuyển	
29	25	Nguyễn Ngọc La	Lượng	Nam	02/11/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.4	7.6	7.4	0.25		21.65	Trúng tuyển	
30	26	Nguyễn Hữu	Minh	Nam	02/10/2002	Kinh	CNKT điện, điện tử	7.6	7.3	7.2	0.75		22.85	Trúng tuyển	
31	27	Đặng Văn	Ninh	Nam	06/10/2004	Dao	CNKT điện, điện tử	5.7	6.0	6.2	0.75	1	19.65	Trúng tuyển	
32	28	Ngô Minh	Quang	Nam	25/12/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.5	6.8	6.3	0.25		18.85	Trúng tuyển	
33	29	Ngọc Đức	Sáng	Nam	17/08/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.6	6.8	7.0	0.75		21.15	Trúng tuyển	
34	30	Đồng Đức	Tân	Nam	14/09/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.6	6.8	7.9	0.50		21.80	Trúng tuyển	
35	31	Nguyễn Anh	Tú	Nam	19/01/2003	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.7	6.2	6.5	0.75		19.15	Trúng tuyển	
36	32	Trần Thanh	Tùng	Nam	21/02/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.9	6.5	7.3	0.75		21.45	Trúng tuyển	
37	33	Lại Quang	Tuyến	Nam	02/09/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	4.6	7.8	2.8	0.75		15.90	Trúng tuyển	TH2
38	34	Vi Hồng	Thái	Nam	31/03/2003	Kinh	CNKT điện, điện tử	7.4	7.1	6.8	0.75		22.05	Trúng tuyển	
39	35	Hoàng Văn	Thành	Nam	20/08/2004	Nùng	CNKT điện, điện tử	5.8	5.0	6.2	0.75	1	18.75	Trúng tuyển	
40	36	Đào Quốc	Triệu	Nam	05/03/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	7.3	7.5	7.8	0.25		22.85	Trúng tuyển	
41	37	Lương Văn	Trường	Nam	09/10/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	8.2	7.9	8.1	0.75		24.95	Trúng tuyển	
42	38	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	06/12/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.2	6.6	7.3	0.75		20.85	Trúng tuyển	
43	1	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	01/09/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.6	7.3	7.6	0.50		22.00	Trúng tuyển	
44	2	Bùi Thanh	Bình	Nam	29/09/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	5.2	5.2	6.3	0.75		17.45	Trúng tuyển	
45	3	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	06/02/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	7.0	7.2	7.2	0.75		22.15	Trúng tuyển	
46	4	Nguyễn Quốc	Đặng	Nam	28/10/2003	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.5	7.4	6.1	0.25		20.25	Trúng tuyển	
47	5	Phạm Hải	Đặng	Nam	20/04/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.0	6.8	6.2	0.75		19.75	Trúng tuyển	
48	6	Nguyễn Thế	Định	Nam	12/11/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.2	7.3	7.1	0.75		21.35	Trúng tuyển	
49	7	Vi Thị Trà	Giang	Nữ	28/04/2002	Tây	CNKT ĐK&TĐH	7.1	7.9	7.2	0.75	1	23.95	Trúng tuyển	
50	8	Nguyễn Công	Giang	Nam	04/07/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	5.7	6.6	7.0	0.75		20.05	Trúng tuyển	
51	9	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	28/10/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.8	6.2	6.3	0.75		20.05	Trúng tuyển	
52	10	Nguyễn Tiến	Hải	Nam	07/06/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.2	7.1	7.6	0.75		21.65	Trúng tuyển	
53	11	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	02/09/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	5.2	5.8	6.8	0.75		18.55	Trúng tuyển	
54	12	Vũ Việt	Hoàng	Nam	01/06/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	7.1	5.6	7.3	0.50		20.50	Trúng tuyển	

NG
RU
AO
CỠ
ĐNK

STT	TT	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	DT	Tên ngành đăng ký xét tuyển	Điểm XT			Điểm UT		Tổng điểm	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
								M1	M2	M3	KV	DT			
55	13	Nguyễn Văn	Huân	Nam	01/01/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	8.2	7.7	8.4	0.75		25.05	Trúng tuyển	
56	14	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	01/09/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	5.3	7.3	6.9	0.75		20.25	Trúng tuyển	
57	15	Giáp Trung	Kiên	Nam	29/03/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	7.2	7.9	8.2	0.25		23.55	Trúng tuyển	
58	16	Nguyễn Hồng	Lâm	Nam	17/07/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.6	7.4	7.0	0.75		21.75	Trúng tuyển	
59	17	Nguyễn Đức	Linh	Nam	23/04/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	8.1	6.7	7.1	0.25		22.15	Trúng tuyển	
60	18	Luyện Huy	Mạnh	Nam	12/04/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.7	6.3	6.7	0.75		20.45	Trúng tuyển	
61	19	Nguyễn Thanh	Nam	Nam	22/05/2001	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	5.8	7.0	6.5	0.75		20.05	Trúng tuyển	
62	20	Đỗ Minh	Ngọc	Nam	24/02/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.3	7.3	8.0	0.75		22.35	Trúng tuyển	
63	21	Nguyễn Văn	Quý	Nam	12/06/2003	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.3	6.4	5.2	0.75		18.65	Trúng tuyển	
64	22	Hứa Thế	Quân	Nam	26/01/2004	Nùng	CNKT ĐK&TĐH	4.9	5.3	6.0	0.75	1	17.95	Trúng tuyển	
65	23	Nguyễn Văn	Sỹ	Nam	15/02/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	8.7	8.1	8.2	0.50		25.50	Trúng tuyển	
66	24	Lê Trọng	Tấn	Nam	19/12/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	7.1	7.2	8.2	0.75		23.25	Trúng tuyển	
67	25	Nguyễn Ngọc	Tiến	Nam	04/10/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.0	6.6	6.2	0.75		19.55	Trúng tuyển	
68	26	Vũ Văn	Tiến	Nam	19/01/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	7.2	6.9	6.2	0.50		20.80	Trúng tuyển	
69	27	Hà Văn	Tuấn	Nam	21/11/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	7.0	6.9	7.0	0.75		21.65	Trúng tuyển	
70	28	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	22/07/2003	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	6.7	6.4	7.2	0.75		21.05	Trúng tuyển	
71	29	Đặng Văn	Tuấn	Nam	26/04/2004	Nùng	CNKT ĐK&TĐH	6.1	7.0	6.9	0.75	1	21.75	Trúng tuyển	
72	30	Nguyễn Hữu	Thọ	Nam	26/12/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	7.3	6.6	6.6	0.75		21.25	Trúng tuyển	
73	31	Dương Thị	Thư	Nữ	10/10/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	5.7	6.5	5.7	0.75		18.65	Trúng tuyển	
74	32	Triệu Văn	Trình	Nam	25/10/2003	Dao	CNKT ĐK&TĐH	6.4	6.5	6.2	0.75	1	20.85	Trúng tuyển	
75	33	Nguyễn Thế	Trọng	Nam	18/04/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	7.5	5.9	6.8	0.50		20.70	Trúng tuyển	
76	34	Nguy Quốc	Trưởng	Nam	24/12/2004	Kinh	CNKT ĐK&TĐH	7.2	6.2	6.9	0.75		21.05	Trúng tuyển	
77	1	Vũ Tuấn	Anh	Nam	24/03/2001	Kinh	Công nghệ ô tô	6.4	6.8	7.5	0.00		20.70	Trúng tuyển	
78	2	Nguyễn Ngọc	Chiến	Nam	23/06/2000	Kinh	Công nghệ ô tô	6.2	6.0	6.2	0.50		18.90	Trúng tuyển	
79	3	Lê Tiến	Dũng	Nam	13/04/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	5.1	6.1	6.1	0.75		18.05	Trúng tuyển	
80	4	Nguyễn Công	Đạt	Nam	17/08/2003	Kinh	Công nghệ ô tô	6.3	7.6	7.9	0.75		22.55	Trúng tuyển	
81	5	Chu Văn	Đồng	Nam	03/06/2002	Nùng	Công nghệ ô tô	5.5	4.7	6.4	0.75	1	18.35	Trúng tuyển	
82	6	Lê Ngọc	Hào	Nam	11/04/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	6.5	7.7	6.9	0.75		21.85	Trúng tuyển	
83	7	Lộc Minh	Hiếu	Nam	10/11/2004	Tày	Công nghệ ô tô	5.5	6.4	6.5	0.75	1	20.15	Trúng tuyển	
84	8	Ninh Văn	Huy	Nam	23/09/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	6.9	6.4	7.0	0.75		21.05	Trúng tuyển	
85	9	Hà Tuấn	Kiệt	Nam	01/07/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	6.7	5.8	6.7	0.75		19.95	Trúng tuyển	
86	10	Hà Văn	Lượng	Nam	29/11/1998	Kinh	Công nghệ ô tô	6.5	7.3	6.3	0.75		20.85	Trúng tuyển	
87	11	Vũ Duy	Quân	Nam	16/04/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	8.0	6.4	7.8	0.75		22.95	Trúng tuyển	
88	12	Nguyễn Văn	Tú	Nam	24/07/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	6.5	7.4	7.4	0.25		21.55	Trúng tuyển	
89	13	Tạ Văn	Tuấn	Nam	14/02/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	7.7	7.4	7.0	0.75		22.85	Trúng tuyển	
90	14	Dương Mạnh	Tùng	Nam	10/12/2004	Nùng	Công nghệ ô tô	6.7	7.7	7.1	0.25	1	22.75	Trúng tuyển	
91	15	Nguyễn Quang	Thái	Nam	01/10/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	6.0	7.9	7.5	0.75		22.15	Trúng tuyển	
92	16	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	08/08/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	6.3	7.3	7.7	0.75		22.05	Trúng tuyển	
93	17	Trần Trọng	Trường	Nam	08/02/2004	Tày	Công nghệ ô tô	6.5	5.2	7.6	0.75	1	21.05	Trúng tuyển	
94	18	Hoàng Quốc	Việt	Nam	16/01/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	7.9	6.8	7.3	0.75		22.75	Trúng tuyển	
95	19	Đinh Văn	Việt	Nam	02/08/2003	Kinh	Công nghệ ô tô	6.1	6.7	6.5	0.75		20.05	Trúng tuyển	
96	20	Nguyễn Anh	Vũ	Nam	18/06/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	6.7	5.7	6.7	0.25		19.35	Trúng tuyển	
97	1	Nguyễn Trung	Bách	Nam	07/11/2004	Kinh	Công nghệ thông tin	7.6	6.8	7.2	0.25		21.85	Trúng tuyển	
98	2	Hà Mạnh	Cường	Nam	10/07/2004	Kinh	Công nghệ thông tin	6.7	6.9	6.9	0.75		21.25	Trúng tuyển	
99	3	Trần Văn	Dũng	Nam	13/09/2001	Kinh	Công nghệ thông tin	7.1	7.3	6.7	0.75		21.85	Trúng tuyển	
100	4	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	10/10/2004	Kinh	Công nghệ thông tin	6.4	5.3	6.4	0.75		18.85	Trúng tuyển	
101	5	Ngo Quang	Huy	Nam	01/04/2000	Kinh	Công nghệ thông tin	7.3	7.2	6.4	0.25		21.15	Trúng tuyển	
102	6	Nguyễn Ngọc	Lan	Nữ	01/11/2004	Kinh	Công nghệ thông tin	7.2	6.6	7.2	0.75		21.75	Trúng tuyển	
103	7	Phạm Văn	Minh	Nam	28/01/2004	Kinh	Công nghệ thông tin	7.4	7.5	4.2	0.75		19.85	Trúng tuyển	TH2
104	8	Mai Thị	Oanh	Nữ	05/08/2004	Kinh	Công nghệ thông tin	6.1	7.2	6.9	0.75		20.95	Trúng tuyển	
105	9	Trần Hồng	Quang	Nam	09/12/2004	Nùng	Công nghệ thông tin	6.6	7.0	6.9	0.75	1	22.25	Trúng tuyển	
106	10	Nguyễn Thế	Tài	Nam	12/12/2004	Kinh	Công nghệ thông tin	6.5	7.2	6.8	0.75		21.25	Trúng tuyển	
107	11	Nguyễn Mạnh	Thái	Nam	25/10/2003	Tày	Công nghệ thông tin	7.3	7.0	7.2	0.75	1	23.25	Trúng tuyển	
108	12	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	13/03/2002	Kinh	Công nghệ thông tin	6.5	6.6	6.9	0.75		20.75	Trúng tuyển	
109	13	Dương Thị Thu	Trang	Nữ	30/12/2004	Kinh	Công nghệ thông tin	7.5	7.6	8.1	0.75		23.95	Trúng tuyển	
110	14	Đỗ Ngọc	Trung	Nam	22/07/2003	Kinh	Công nghệ thông tin	5.1	6.7	7.2	0.75		19.75	Trúng tuyển	
111	15	Hoàng Thế	Văn	Nam	31/07/1999	Kinh	Công nghệ thông tin	5.8	6.1	6.6	0.75		19.25	Trúng tuyển	
112	16	Nguyễn Văn	Vi	Nam	14/04/2003	Kinh	Công nghệ thông tin	7.6	7.6	7.4	0.25		22.85	Trúng tuyển	
113	17	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	31/12/2004	Kinh	Công nghệ thông tin	8.4	9.0	8.9	0.25		26.55	Trúng tuyển	
114	1	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	09/02/2004	Kinh	Điện công nghiệp	6.0	5.8	4.4	0.50		16.65	Trúng tuyển	TH2

STT	TT	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	DT	Tên ngành đăng ký xét tuyển	Điểm XT			Điểm UT		Tổng điểm	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
								M1	M2	M3	KV	ĐT			
115	2	Nguyễn Tuấn	Dũng	Nam	10/05/2004	Kinh	Điện công nghiệp	5.6	6.8	7.0	0.50		19.90	Trúng tuyển	
116	3	Lăng Ngọc	Đăng	Nam	11/11/2004	Kinh	Điện công nghiệp	6.9	7.0	5.8	0.75		20.45	Trúng tuyển	
117	4	Giáp Tân	Giang	Nam	18/09/2001	Kinh	Điện công nghiệp	6.7	7.8	7.0	0.75		22.25	Trúng tuyển	
118	5	Tạ Xuân	Giáp	Nam	22/03/2004	Kinh	Điện công nghiệp	7.0	7.2	7.6	0.75		22.55	Trúng tuyển	
119	6	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	25/10/2004	Kinh	Điện công nghiệp	5.9	5.2	6.3	0.75		18.15	Trúng tuyển	
120	7	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	04/07/2004	Kinh	Điện công nghiệp	6.4	7.1	6.6	0.75	1	21.85	Trúng tuyển	
121	8	Phạm Văn	Kiên	Nam	20/09/2004	Kinh	Điện công nghiệp	7.6	7.9	7.5	0.75		23.75	Trúng tuyển	
122	9	Phan Tùng	Lâm	Nam	20/09/2004	Kinh	Điện công nghiệp	6.0	7.0	3.0	0.25		16.25	Trúng tuyển	TH2
123	10	Nguyễn Thành	Luân	Nam	01/09/2004	Kinh	Điện công nghiệp	7.4	7.4	7.1	0.75		22.65	Trúng tuyển	
124	11	Thân Ngọc	Mạnh	Nam	29/05/2004	Kinh	Điện công nghiệp	6.8	7.6	6.9	0.50		21.80	Trúng tuyển	
125	12	Trần Kim	Minh	Nam	17/01/2004	Kinh	Điện công nghiệp	6.3	6.9	6.3	0.75		20.25	Trúng tuyển	
126	13	Phạm Phương	Minh	Nam	15/07/2004	Kinh	Điện công nghiệp	7.8	6.8	3.2	0.75		18.50	Trúng tuyển	TH2
127	14	Sâm Văn	Phong	Nam	18/11/2004	Kinh	Điện công nghiệp	5.1	5.8	5.8	0.75	1	18.45	Trúng tuyển	
128	15	Thân Văn	Quang	Nam	21/12/2002	Kinh	Điện công nghiệp	6.6	6.4	6.6	0.75		20.35	Trúng tuyển	
129	16	Nguyễn Anh	Quân	Nam	02/10/2004	Kinh	Điện công nghiệp	6.8	7.1	7.0	0.75		21.65	Trúng tuyển	
130	17	Hoàng Văn	Quyết	Nam	28/02/2004	Kinh	Điện công nghiệp	5.1	5.9	6.3	0.75		18.05	Trúng tuyển	
131	18	Giáp Đức	Tài	Nam	16/10/2004	Kinh	Điện công nghiệp	7.1	7.4	7.8	0.75		23.05	Trúng tuyển	
132	19	Nguyễn Văn	Thao	Nam	25/08/2003	Kinh	Điện công nghiệp	7.3	5.1	7.4	0.75		20.55	Trúng tuyển	
133	20	Nguyễn Văn	Thao	Nam	25/03/2004	Kinh	Điện công nghiệp	6.9	6.6	7.0	0.75		21.25	Trúng tuyển	
134	21	Thân Hoàn	Thiện	Nam	16/06/2004	Kinh	Điện công nghiệp	6.1	6.1	5.5	0.50		18.20	Trúng tuyển	
135	22	Nguyễn Văn	Trường	Nam	02/02/2004	Kinh	Điện công nghiệp	5.8	5.0	4.6	0.75		16.15	Trúng tuyển	TH2
136	23	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	05/07/2003	Kinh	Điện công nghiệp	6.0	5.3	6.1	0.50		17.90	Trúng tuyển	
137	24	Hoàng Quốc	Việt	Nam	08/03/2004	Kinh	Điện công nghiệp	6.4	6.8	7.0	0.75		20.95	Trúng tuyển	
138	1	Trần Tiến	Anh	Nam	22/08/1999	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.2	6.9	5.6	0.75		19.45	Trúng tuyển	
139	2	Trần Việt	Anh	Nam	02/09/1997	Kinh	Điện tử công nghiệp	5.0	5.9	5.9	0.75		17.55	Trúng tuyển	
140	3	Nguyễn Văn	Bằng	Nam	06/05/1999	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.0	6.2	6.3	0.75		19.25	Trúng tuyển	
141	4	Dương Văn	Bình	Nam	01/08/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.7	6.7	5.9	0.75		20.05	Trúng tuyển	
142	5	Tổng Thị	Cúc	Nữ	10/05/2001	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.2	7.5	7.9	0.50		23.10	Trúng tuyển	
143	6	Nguyễn Văn	Cường	Nam	13/11/2002	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.4	6.5	6.8	0.75		20.45	Trúng tuyển	
144	7	Chu Tuấn	Dũng	Nam	04/12/2004	Nùng	Điện tử công nghiệp	5.2	5.0	5.8	0.75	1	17.75	Trúng tuyển	
145	8	Hoàng Thị	Duyên	Nữ	25/09/2003	Tày	Điện tử công nghiệp	5.7	6.1	6.5	0.75	1	20.05	Trúng tuyển	
146	9	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	05/02/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.3	6.2	7.3	0.75		21.55	Trúng tuyển	
147	10	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	11/04/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.5	7.5	7.3	0.75		23.05	Trúng tuyển	
148	11	Đặng Xuân	Đặng	Nam	25/08/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.6	5.6	6.1	0.75		19.05	Trúng tuyển	
149	12	Trương Thành	Đồng	Nam	25/01/2003	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.5	6.9	7.7	0.75		22.85	Trúng tuyển	
150	13	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	04/10/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.7	7.7	7.0	0.75		22.15	Trúng tuyển	
151	14	Lê Đức	Giang	Nam	18/02/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.8	6.0	3.4	0.50		17.70	Trúng tuyển	TH2
152	15	Nguyễn Văn	Hà	Nam	22/09/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.7	8.0	7.3	0.25		22.25	Trúng tuyển	
153	16	Nguyễn Văn	Hải	Nam	01/10/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.8	7.8	6.4	0.75		22.70	Trúng tuyển	TH2
154	17	Phạm Đức	Hào	Nam	25/01/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.9	8.0	8.6	0.50		25.00	Trúng tuyển	
155	18	Trần Việt	Hung	Nam	09/12/2004	Nùng	Điện tử công nghiệp	5.2	6.2	5.1	0.75	1	18.25	Trúng tuyển	
156	19	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	03/05/2003	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.4	7.0	6.1	0.75		20.25	Trúng tuyển	
157	20	Nguyễn Văn	Lâm	Nam	10/08/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.2	7.6	7.7	0.50		23.00	Trúng tuyển	
158	21	Lương Ngọc	Lâm	Nam	24/11/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.4	6.6	7.4	0.75		22.15	Trúng tuyển	
159	22	Chu Đức	Lộc	Nam	15/01/2001	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.7	6.5	5.9	0.50		19.60	Trúng tuyển	
160	23	Đỗ Xuân	Luật	Nam	31/01/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.0	6.4	6.8	0.75		19.95	Trúng tuyển	
161	24	Dương Trọng	Mạnh	Nam	15/05/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.4	6.6	6.9	0.75		20.65	Trúng tuyển	
162	25	Hoàng Văn	Nam	Nam	26/06/2004	Tày	Điện tử công nghiệp	6.2	7.3	7.5	0.75	1	22.75	Trúng tuyển	
163	26	Nguyễn Thị	Ngà	Nữ	15/07/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.6	5.6	6.5	0.75		19.45	Trúng tuyển	
164	27	Lê Bá	Nhà	Nam	10/06/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.4	6.8	6.1	0.50		19.80	Trúng tuyển	
165	28	Vũ Thị Vân	Oanh	Nữ	17/11/2003	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.9	6.2	7.1	0.75		20.95	Trúng tuyển	
166	29	Dương Văn	Quý	Nam	15/05/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.5	5.4	6.8	0.75		19.45	Trúng tuyển	
167	30	Nguyễn Văn	Son	Nam	10/07/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.8	6.6	7.3	0.50		22.20	Trúng tuyển	
168	31	Nguyễn Lâm	Sơn	Nam	04/10/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.4	7.1	7.4	0.25		21.15	Trúng tuyển	
169	32	Nguyễn Huy	Son	Nam	15/10/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.6	7.8	8.4	0.75		24.55	Trúng tuyển	
170	33	Nguyễn Văn	Sỹ	Nam	01/11/2002	Kinh	Điện tử công nghiệp	5.8	7.2	7.2	0.75		20.95	Trúng tuyển	
171	34	Phạm Văn	Tĩnh	Nam	02/09/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.5	7.1	6.9	0.75		21.25	Trúng tuyển	
172	35	Nguyễn Anh	Tú	Nam	19/11/2003	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.4	6.9	7.0	0.75		21.05	Trúng tuyển	
173	36	Nguyễn Đức	Tú	Nam	28/09/2000	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.4	7.0	7.7	0.25		21.35	Trúng tuyển	
174	37	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	03/01/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.0	6.8	6.2	0.75		19.75	Trúng tuyển	

STT	TT	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	DT	Tên ngành đăng ký xét tuyển	Điểm XT			Điểm UT		Tổng điểm	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
								M1	M2	M3	KV	ĐT			
175	38	Phạm Đức	Tùng	Nam	16/09/2002	Kinh	Điện tử công nghiệp	5.0	7.2	6.8	0.25		19.25	Trúng tuyển	
176	39	Giáp Văn	Thịnh	Nam	17/07/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.6	6.0	6.7	0.50		20.80	Trúng tuyển	
177	40	Hoàng Văn	Thọ	Nam	25/11/2003	Kinh	Điện tử công nghiệp	5.4	6.2	5.8	0.50		17.90	Trúng tuyển	
178	41	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	15/12/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.8	8.0	5.6	0.75		22.15	Trúng tuyển	TH2
179	42	Trần Trường	Vinh	Nam	28/11/2004	Nùng	Điện tử công nghiệp	6.5	5.6	5.9	0.75	1	19.75	Trúng tuyển	
180	43	Đổng Quang	Vinh	Nam	22/12/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	5.8	5.3	5.2	0.50		16.80	Trúng tuyển	
181	44	Dương Huy	Vũ	Nam	28/09/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.3	6.1	7.3	0.75		20.45	Trúng tuyển	
182	45	Vũ Thị	Yến	Nữ	24/09/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.8	6.0	5.4	0.75		18.95	Trúng tuyển	
183	1	Nguyễn Văn	An	Nam	02/01/2004	Kinh	Kế toán	8.1	8.6	8.5	0.75		25.95	Trúng tuyển	
184	2	Ngô Tuấn	Anh	Nam	10/01/2000	Kinh	Kế toán	6.8	6.9	7.6	0.75		22.05	Trúng tuyển	
185	3	Hà Thế	Anh	Nam	20/06/2004	Kinh	Kế toán	7.4	7.0	7.4	0.75		22.55	Trúng tuyển	
186	4	Lục Văn	Bằng	Nam	05/05/2004	Kinh	Kế toán	5.5	5.6	5.8	0.75	1	18.65	Trúng tuyển	
187	5	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	01/08/2003	Tây	Kế toán	8.2	7.9	7.4	0.25	1	24.75	Trúng tuyển	
188	6	Nguyễn Văn	Công	Nam	28/11/1999	Kinh	Kế toán	7.0	5.6	4.9	0.75		18.25	Trúng tuyển	
189	7	Nguyễn Văn	Chương	Nam	12/12/2004	Kinh	Kế toán	6.5	7.3	7.4	0.75		21.95	Trúng tuyển	
190	8	Lê Văn	Doanh	Nam	21/10/2002	Kinh	Kế toán	6.4	6.5	6.8	0.75		20.45	Trúng tuyển	
191	9	Ngô Văn	Dũng	Nam	25/09/2000	Kinh	Kế toán	5.8	6.1	6.2	0.75		18.85	Trúng tuyển	
192	10	Nguyễn Mạnh	Dũng	Nam	18/07/2000	Kinh	Kế toán	5.2	6.7	6.5	0.75		19.15	Trúng tuyển	
193	11	Nguyễn Đại	Dương	Nam	01/07/2004	Kinh	Kế toán	6.2	7.6	7.1	0.25		21.15	Trúng tuyển	
194	12	Nguyễn Phan Thùy	Dương	Nữ	27/08/2000	Kinh	Kế toán	6.7	6.6	6.7	0.25		20.25	Trúng tuyển	
195	13	Kiều Tiến	Đạt	Nam	04/07/2004	Kinh	Kế toán	6.3	6.8	7.2	0.50		20.80	Trúng tuyển	
196	14	Ngô Trường	Giang	Nam	14/10/2001	Kinh	Kế toán	6.1	6.3	6.9	0.75		20.05	Trúng tuyển	
197	15	Dương Anh	Hiếu	Nam	28/03/2004	Kinh	Kế toán	6.8	7.6	7.7	0.50		22.60	Trúng tuyển	
198	16	Nguyễn Văn	Huy	Nam	09/01/2004	Kinh	Kế toán	7.1	7.2	7.2	0.75		22.25	Trúng tuyển	
199	17	Nguyễn Văn	Huy	Nam	28/08/2004	Kinh	Kế toán	6.8	7.7	7.1	0.75		22.35	Trúng tuyển	
200	18	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	23/07/2002	Kinh	Kế toán	6.7	6.9	7.0	0.75		21.35	Trúng tuyển	
201	19	Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	01/10/2001	Kinh	Kế toán	6.2	7.7	7.7	0.75		22.35	Trúng tuyển	
202	20	Nguyễn Thanh	Nam	Nam	12/06/2003	Kinh	Kế toán	7.2	6.9	7.0	0.50		21.60	Trúng tuyển	
203	21	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	07/08/2002	Kinh	Kế toán	6.5	6.6	6.8	0.75		20.65	Trúng tuyển	
204	22	Trần Bảo	Ngọc	Nam	08/12/2004	Kinh	Kế toán	5.8	7.8	8.0	0.25		21.85	Trúng tuyển	
205	23	Hoàng Bảo	Nguyễn	Nam	20/09/2004	Kinh	Kế toán	7.7	7.3	8.4	0.25		23.65	Trúng tuyển	
206	24	Trần Trọng	Phi	Nam	26/08/1999	Kinh	Kế toán	8.1	7.6	6.2	0.50		22.40	Trúng tuyển	
207	25	Dương Thu	Phương	Nữ	26/06/2004	Kinh	Kế toán	7.2	7.8	7.5	0.25		22.75	Trúng tuyển	
208	26	Chu Văn	Quang	Nam	29/09/2002	Kinh	Kế toán	5.2	6.0	7.1	0.75		19.05	Trúng tuyển	
209	27	Nguyễn Ngọc	Quyển	Nam	21/10/2000	Kinh	Kế toán	7.3	6.3	5.8	0.75		20.15	Trúng tuyển	
210	28	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	Nam	10/01/2004	Kinh	Kế toán	6.7	6.5	6.8	0.75		20.75	Trúng tuyển	
211	29	Lưu Văn	Siền	Nam	15/12/2001	Nùng	Kế toán	5.8	5.8	6.7	0.75	1	20.05	Trúng tuyển	
212	30	Trần Đăng	Son	Nam	15/08/2003	Kinh	Kế toán	6.4	6.7	7.6	0.75		21.45	Trúng tuyển	
213	31	Hà Văn	Son	Nam	12/07/2003	Kinh	Kế toán	6.4	6.6	6.7	0.75		20.45	Trúng tuyển	
214	32	Trần Ngọc	Tân	Nam	18/03/2004	Kinh	Kế toán	6.3	7.2	7.1	0.25		20.85	Trúng tuyển	
215	33	Nguyễn Công	Tiến	Nam	02/03/2003	Kinh	Kế toán	7.5	6.8	7.4	0.75		22.45	Trúng tuyển	
216	34	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	12/08/1997	Kinh	Kế toán	5.7	6.2	6.0	0.75		18.65	Trúng tuyển	
217	35	Ngô Văn	Tùng	Nam	03/06/2001	Kinh	Kế toán	5.2	4.3	2.6	0.75		12.80	Trúng tuyển	TH2
218	36	Ngô Văn	Tường	Nam	12/06/2001	Kinh	Kế toán	5.6	5.4	5.2	0.75		16.95	Trúng tuyển	
219	37	Hà Văn	Trung	Nam	22/01/2004	Kinh	Kế toán	6.3	6.9	7.4	0.75		21.35	Trúng tuyển	
220	38	Khổng Văn	Vĩnh	Nam	26/12/2002	Kinh	Kế toán	7.0	7.9	7.9	0.75		23.55	Trúng tuyển	
221	1	Thần Văn	Chung	Nam	08/08/2004	Kinh	KTML&ĐHKK	7.7	7.6	7.7	0.25		23.25	Trúng tuyển	
222	2	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	27/10/2004	Kinh	KTML&ĐHKK	6.4	7.1	7.0	0.75		21.25	Trúng tuyển	
223	3	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	20/11/2003	Kinh	KTML&ĐHKK	7.5	7.7	8.0	0.75		23.95	Trúng tuyển	
224	4	Nguyễn Văn	Mùi	Nam	09/07/2003	Kinh	KTML&ĐHKK	6.4	7.1	7.5	0.75		21.75	Trúng tuyển	
225	5	Lưu Bá	Nghĩa	Nam	16/01/2004	Kinh	KTML&ĐHKK	6.6	7.9	7.8	0.75		23.05	Trúng tuyển	
226	6	Giáp Hồng	Quang	Nam	29/09/2004	Kinh	KTML&ĐHKK	6.0	6.5	7.4	0.75		20.65	Trúng tuyển	
227	7	Thần Văn	Toàn	Nam	07/06/2003	Kinh	KTML&ĐHKK	6.4	5.9	7.1	0.75		20.15	Trúng tuyển	
228	8	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	22/01/2004	Kinh	KTML&ĐHKK	8.9	7.7	8.8	0.50		25.90	Trúng tuyển	
229	9	Đào Văn	Thảo	Nam	08/10/2004	Kinh	KTML&ĐHKK	7.3	7.0	7.7	0.25		22.45	Trúng tuyển	
230	10	Hoàng Mạnh	Trường	Nam	08/11/2002	Tây	KTML&ĐHKK	5.0	4.2	4.4	0.75	1	15.35	Trúng tuyển	
231	11	Nguyễn Hữu	Việt	Nam	18/01/2001	Kinh	KTML&ĐHKK	6.7	7.2	6.8	0.25		20.95	Trúng tuyển	
232	1	Trần Văn	Hoàng	Nam	14/10/2004	Kinh	KTSC, LR máy tính	7.0	7.7	8.4	0.50		23.60	Trúng tuyển	
233	2	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	14/09/2004	Kinh	KTSC, LR máy tính	8.4	7.8	7.5	0.75		24.45	Trúng tuyển	
234	3	Lê Minh	Quý	Nam	28/04/2004	Kinh	KTSC, LR máy tính	8.7	7.1	7.2	0.75		23.75	Trúng tuyển	

STT	TT	Họ đệm	Tên	GT	Ngày sinh	ĐT	Tên ngành đăng ký xét tuyển	Điểm XT			Điểm UT		Tổng điểm	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
								M1	M2	M3	KV	ĐT			
235	4	Hoàng Trọng	Tiếp	Nam	09/07/2004	Kinh	KTSC, LR máy tính	7.1	5.3	5.4	0.75		18.55	Trúng tuyển	
236	1	Vũ Văn	Chính	Nam	23/09/2001	Kinh	Máy thời trang	7.9	7.0	7.3	0.75		22.95	Trúng tuyển	
237	2	Phạm Kim	Duyên	Nữ	01/03/2004	Kinh	Máy thời trang	7.9	7.1	7.1	0.75		22.85	Trúng tuyển	
238	3	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	20/05/2004	Kinh	Máy thời trang	6.3	5.7	6.6	0.75		19.35	Trúng tuyển	
239	4	Trịnh Thị Tuyết	Nhung	Nữ	19/10/2004	Kinh	Máy thời trang	6.4	5.8	5.7	0.75		18.65	Trúng tuyển	
240	5	Nguyễn Thị	Toàn	Nam	13/08/2004	Kinh	Máy thời trang	8.0	7.1	7.1	0.75		22.95	Trúng tuyển	
241	1	Ngô Thành	Công	Nam	22/11/2004	Nùng	Quản trị kinh doanh	6.2	6.4	6.8	0.75	1	21.15	Trúng tuyển	
242	2	Phạm Ngọc	Chính	Nam	23/10/2001	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.0	6.6	7.2	0.75		21.55	Trúng tuyển	
243	3	Bùi Quang	Diệu	Nam	12/12/2003	Kinh	Quản trị kinh doanh	5.6	7.2	6.8	0.75		20.35	Trúng tuyển	
244	4	Bùi Công	Doanh	Nam	14/02/2001	Kinh	Quản trị kinh doanh	5.8	6.5	6.2	0.75		19.25	Trúng tuyển	
245	5	Nguyễn Kinh	Dương	Nam	10/03/2004	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.2	5.8	7.0	0.50		19.50	Trúng tuyển	
246	6	Nguyễn Đức	Dương	Nam	11/07/2002	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.4	6.4	6.3	0.25		19.35	Trúng tuyển	
247	7	Lê Tinh	Diệp	Nam	25/01/2004	Kinh	Quản trị kinh doanh	8.3	8.0	8.0	0.75		25.05	Trúng tuyển	
248	8	Nguyễn Văn	Đức	Nam	07/09/2003	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.2	7.1	7.5	0.75		22.55	Trúng tuyển	
249	9	Hoàng Ngọc	Hạnh	Nữ	17/05/2003	Nùng	Quản trị kinh doanh	7.4	5.9	7.4	0.75	1	22.45	Trúng tuyển	
250	10	Nguyễn Văn	Hào	Nam	02/10/1998	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.0	6.1	6.0	0.75		18.85	Trúng tuyển	
251	11	Hoàng Văn	Hiếu	Nam	26/05/2004	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.1	7.4	6.7	0.75		21.95	Trúng tuyển	
252	12	Nguyễn Đình	Huỳnh	Nam	09/09/1997	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.3	7.1	7.4	0.75		21.55	Trúng tuyển	
253	13	La Đức	Lâm	Nam	24/09/2004	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.4	8.2	7.6	0.25		23.45	Trúng tuyển	
254	14	Phạm Văn	Minh	Nam	21/05/2001	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.3	5.7	6.7	0.75		19.45	Trúng tuyển	
255	15	Nguyễn Văn	Minh	Nam	01/01/2003	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.3	6.2	6.6	0.25		19.35	Trúng tuyển	
256	16	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	15/10/2001	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.0	6.3	6.5	0.75		20.55	Trúng tuyển	
257	17	Hoàng Thế	Ngọc	Nam	24/06/2004	Tày	Quản trị kinh doanh	5.8	6.9	6.6	0.75	1	20.05	Trúng tuyển	
258	18	Lê Đức	Quý	Nam	08/09/2003	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.0	6.8	7.0	0.75		21.55	Trúng tuyển	
259	19	Vì Văn	Tân	Nam	06/07/2001	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.4	8.4	7.9	0.75		24.45	Trúng tuyển	
260	20	Trần Việt	Tiến	Nam	03/07/2000	Kinh	Quản trị kinh doanh	5.4	6.2	6.8	0.25		18.65	Trúng tuyển	
261	21	Đỗ Văn	Thắng	Nam	15/11/2002	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.4	6.4	7.1	0.25		20.15	Trúng tuyển	
262	22	Thần Đức	Triều	Nam	20/04/2004	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.1	7.9	8.5	0.50		24.00	Trúng tuyển	
263	1	Hoàng Văn	Như	Nam	01/09/2004	Kinh	Thương mại điện tử	7.0	6.5	6.9	0.75		21.15	Trúng tuyển	
264	2	Nguyễn Bá	Sang	Nam	21/02/1999	Kinh	Thương mại điện tử	6.4	7.4	8.0	0.50		22.30	Trúng tuyển	
265	3	Phạm Thanh	Tùng	Nam	04/03/2004	Kinh	Thương mại điện tử	6.2	6.1	6.6	0.75		19.65	Trúng tuyển	
266	4	Nguyễn Đình	Thật	Nam	12/02/1999	Kinh	Thương mại điện tử	6.5	6.8	6.9	0.50		20.70	Trúng tuyển	



CHỦ TỊCH HỘI TUYỂN SINH

CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT
CÔNG NGHIỆP

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
Cao Thị Mai Phương

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Thân Văn Hùng
Thân Văn Hùng

Bắc Giang, ngày 26 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đỗ Quốc Hoàng
Đỗ Quốc Hoàng

